

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề của HĐND huyện về tình hình quản lý và sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn huyện Bàu Bàng

Thực hiện Chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng năm 2024 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân huyện về tình hình quản lý và sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn huyện Bàu Bàng.

Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân huyện đã tiến hành giám sát tình hình quản lý và sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn huyện Bàu Bàng theo kế hoạch. Đoàn giám sát báo cáo HĐND huyện kết quả giám sát, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC GIÁM SÁT

Thành phần Đoàn giám sát theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện.

Đoàn giám sát do ông Lưu Văn Long - Ủy viên Thường vụ Huyện ủy - Phó Chủ tịch HĐND huyện làm Phó Trưởng đoàn. Đoàn giám sát đã tiến hành giám sát trực tiếp các đơn vị, địa phương: UBND huyện, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện, UBND các xã, thị trấn: Lai Uyên, Hưng Hòa, Cây Trường II, Long Nguyên theo kế hoạch, lịch đã ban hành; giám sát qua báo cáo đối với các đơn vị, địa phương: Hội Nông dân huyện, Hội Liên hiệp phụ nữ huyện, Hội Cựu chiến binh huyện và UBND các xã còn lại: Tân Hưng, Lai Hưng, Trừ Văn Thố.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Qua giám sát cho thấy các cơ quan, đơn vị đã tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 40 - CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội (CSXH), Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình; Nghị định số 36/2022/NĐ-CP ngày 30/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH), nguồn vốn cho vay, cấp

bù lãi suất và phí quản lý để NHCSXH cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15. Phòng giao dịch NHCSXH trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ đã tham mưu cho UBND huyện ban hành và trực tiếp ban hành nhiều văn bản¹ để triển khai thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi trên địa bàn huyện kịp thời có hiệu quả nhằm triển khai đến tận hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu vay vốn.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân huyện cũng đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động tín dụng CSXH, quan tâm trích ngân sách bổ sung nguồn vốn cho vay; tạo điều kiện thuận lợi để NHCSXH tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu vốn kịp thời cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; coi trọng nâng cao chất lượng tín dụng chính sách.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách tín dụng

Công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác luôn được các cấp, các ngành, các địa phương và NHCSXH chú trọng triển khai bằng nhiều hình thức như: công thông tin điện tử của huyện, đài truyền thanh huyện, công thông tin điện tử của NHCSXH để mọi người dân nắm bắt và hiểu rõ hơn về các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước; phổ biến công khai các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua niêm yết các chương trình tín dụng tại UBND cấp xã. Các điểm giao dịch xã, thị trấn đều có hòm thư góp ý, công khai các thông tin lãi suất cho vay, lãi suất tiền gửi và thông báo chính sách ưu đãi, nội quy giao dịch...

Phòng giao dịch NHCSXH huyện cũng thường xuyên phối hợp với các địa phương tổ chức tập huấn, thông qua các buổi tập huấn, giao ban, sinh hoạt định kỳ NHCSXH đã tuyên truyền phổ biến những nội dung chính sách mới đã quán triệt đến tận tổ TK&VV và mọi vướng mắc khó khăn được tháo gỡ kịp thời.

¹. Công văn số 686/UBND-VX ngày 17/3/2022 về việc triển khai thực hiện tín dụng chính sách Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Công văn số 1521/UBND-VX ngày 23/5/2022 về việc triển khai chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19; Công văn số 1825/UBND-VX ngày 15/6/2022 về việc thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH; Công văn số 367/UBND-VX ngày 15/2/2023 về việc thực hiện tín dụng chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023; Công văn số 720/UBND-VX ngày 13/3/2023 về việc thực hiện truyền thông tín dụng năm 2023; Công văn số 3889/UBND-VX ngày 07/11/2023 về việc triển khai Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù...

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Nguồn vốn quản lý

Tổng nguồn vốn được giao đến ngày 31/5/2024 là 453 tỷ 140 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn Trung ương là 272 tỷ 750 triệu đồng, chiếm 60 % trên tổng nguồn vốn.
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh là 149 tỷ 757 triệu đồng, chiếm 33 % trên tổng nguồn vốn.
- Vốn ngân sách huyện là 30 tỷ 633 triệu đồng, chiếm 7% trên tổng nguồn vốn.

2. Kết quả triển khai các chương trình tín dụng

2.1. Chương trình cho vay và dư nợ tín dụng:

Hiện nay, huyện Bàu Bàng đang triển khai cho vay 10 chương trình tín dụng chính sách, tổng dư nợ đến 31/5/2024 đạt 449 tỷ 293 triệu đồng với 8.846 khách hàng đang vay vốn, trong đó:

- Cho vay hộ nghèo theo Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ: 371 triệu đồng với 21 khách hàng. Mức cho vay tối đa 100 triệu/người, lãi suất cho vay 6,6%/năm; thời hạn vay 10 năm.

- Cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ: 4.622 triệu đồng với 252 khách hàng. Mức cho vay tối đa 100 triệu/người, lãi suất cho vay 7,92%/năm; thời hạn vay 10 năm.

- Cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ: 1.256 triệu đồng với 53 khách hàng. Mức cho vay tối đa 100 triệu/người, lãi suất cho vay 8,25%/năm; thời hạn vay 5 năm.

- Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ: 17.246 triệu đồng với 447 khách hàng. Mức cho vay tối đa 40 triệu/người, lãi suất cho vay 6,6%/năm; thời hạn vay thông thường học cao đẳng 7 năm; Đại học 9 năm.

- Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ: 328.247 triệu đồng với 3.935 khách hàng. Mức cho vay tối đa từ 100 triệu/lao động và 2 tỷ đồng/cơ sở, lãi suất cho vay 3,96%/năm/cơ sở và 7,92%/năm/lao động; thời hạn vay 10 năm.

- Cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ: 80.843 triệu đồng với 4.042 khách hàng. Mức cho vay tối đa 50 triệu/người, lãi suất cho vay 9%/năm; thời hạn vay 5 năm.

- Cho vay ưu đãi để mua, thuê nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị định 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ: 13.471 triệu đồng với 22 khách hàng. Mức cho vay tối đa xây nhà 70% giá trị dự toán; mua nhà ở XH 80% giá trị hợp đồng, lãi suất cho vay 6,6%/năm; thời hạn vay 25 năm.

- Cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập: 54 triệu với 02 khách hàng. Mức cho vay tối đa 80 triệu/người, lãi suất cho vay 3,3%/năm; thời hạn vay 3 năm (ngừng cho vay từ ngày 31/12/2023).

- Cho vay người chấp hành xong án phạt tù theo quyết định 22/QĐ-TTg ngày 17/8/2023: 50 triệu 01 khách hàng. Mức cho vay tối đa 100 triệu/người, lãi suất cho vay 6,6%/năm; thời hạn vay 10 năm.

- Cho vay chăn nuôi bò sinh sản (chương trình của huyện): 3.134 triệu đồng với 71 khách hàng. Mức cho vay tối đa 100 triệu/người, lãi suất cho vay 6,6%/năm; thời hạn vay 3 năm.

(Đính kèm phụ lục 1)

2.2. Công tác quản lý và thu nợ:

- Công tác quản lý nguồn vốn và thu nợ hiện nay được phối kết hợp cùng với 04 tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp huyện, xã và Tổ TK & VV. Tổng doanh số cho vay từ năm 2021 đến 31/5/2024 là 578 tỷ 575 triệu đồng với 12.677 hộ nghèo và các đối tượng chính sách được vay vốn. Doanh số thu nợ là 421.412 triệu đồng.

- Công tác thu nợ đến hạn được thường xuyên quan tâm, tích cực đôn đốc hộ vay trả nợ đúng hạn, góp phần tạo lập nguồn vốn để cho vay quay vòng, tuy nhiên cũng có một số trường hợp chưa trả nợ do nguyên nhân khách quan và chủ quan, ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng. Tiến độ giải ngân các chương trình tín dụng được giao vốn đạt 99,9% so với kế hoạch tỉnh giao.

- Về chất lượng tín dụng: Nợ quá hạn là 805 triệu đồng, tỷ lệ nợ quá hạn 0,18%; Nợ khoanh 42 triệu đồng, tỷ lệ nợ khoanh là 0,0092%; Tỷ lệ thu nợ gốc đến hạn đạt 97,17%; Lãi tồn 513 triệu đồng.

Số món vay từ 3 tháng trở lên không hoạt động là 110 món với dư nợ là 3 tỷ 818 triệu đồng; Số hộ bỏ đi khỏi nơi cư trú là: 24 khách hàng, tổng số tiền: 868 triệu đồng (trong đó: tiền gốc là 688 triệu đồng, lãi là 180 triệu đồng).

Nợ quá hạn tuy thấp so với mặt bằng chung của NHCSXH, nhưng một số món nợ tồn đọng lâu ngày, khó có khả năng thu hồi và chưa có biện pháp xử lý dứt điểm.

2.3. Quản lý, sử dụng lãi suất:

Hiện nay NHCSXH thực hiện quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay đối với nguồn vốn ngân sách huyện theo Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối

với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, cụ thể như sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng **0,75%**

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện là **2,94%/năm**

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH huyện, các đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách huyện. Mức trích bằng **11%** số tiền lãi thu được, trong đó:

- Mức phí trích để sử dụng cho công tác quản lý, chỉ đạo, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH huyện bằng **7%** trên số lãi cho vay thu được.

- Mức phí trích để sử dụng cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện là **2%**.

- Mức phí trích để sử dụng cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện là **2%**.

(Đính kèm phụ lục 2)

Sau khi trích theo các nội dung tại điểm a, b, c nêu trên phần còn lại của lãi cho vay bổ sung vào nguồn vốn cho vay. Trên cơ sở báo cáo số liệu về lãi cho vay đến ngày 31/12 hàng năm do Phòng giao dịch NHCSXH huyện cung cấp, Phòng Tài Chính - Kế hoạch tham mưu UBND huyện bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

3. Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và các Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV)

3.1. Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

Phòng giao dịch NHCSXH ủy thác các chương trình tín dụng chính sách qua 04 tổ chức chính trị - xã hội (*Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên*). Tổng dư nợ cho vay ủy thác qua các tổ chức Hội đoàn thể đến 31/5/2024 là 449 tỷ 147 triệu đồng với 8.839 hộ vay còn dư nợ, 172 tổ TK&VV đang hoạt động. Nợ quá hạn là 805 triệu đồng.

Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác từ huyện đến cơ sở đã nêu cao tinh thần, trách nhiệm, chủ động vào cuộc một cách tích cực, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ nhận ủy thác như: làm tốt công tác thông tin tuyên truyền; thành lập, củng cố kiện toàn và nâng cao chất lượng mạng lưới tổ tiết kiệm và vay vốn; chỉ đạo tổ chức thực hiện bình xét đối tượng vay vốn đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, chính xác; hướng dẫn lập hồ sơ, thủ tục vay vốn, hồ sơ đề



ngiht xử lý rủi ro; tăng cường công tác kiểm tra sử dụng vốn vay; đôn đốc thu nợ, thu lãi và vận động các hộ vay vốn gửi tiền tiết kiệm hàng tháng... Ngoài ra còn phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao khoa học - kỹ thuật, áp dụng các chương trình khuyến nông, khuyến ngư vào sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế. Thông qua phương thức ủy thác cho vay, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các Hội đoàn thể thường xuyên tiếp xúc với hội viên, giúp hội viên phát triển kinh tế gia đình, đồng thời tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia vào Hội.

Tuy nhiên, một số tổ chức Hội cấp xã chưa sâu sát, chưa chủ động trong công tác kiểm tra, giám sát, việc tuyên truyền chính sách, chế độ, giáo dục ý thức trả nợ, trả lãi, sử dụng vốn hiệu quả, đúng mục đích cho hộ vay còn hạn chế. Một số Hội đoàn thể chưa phát huy tốt vai trò trong việc phối hợp với chính quyền địa phương chỉ đạo triển khai hoạt động tín dụng chính sách, xử lý nợ quá hạn, nhất là thu hồi nợ của các hộ vay cố tình chây lỳ chưa hiệu quả.

Sự phối hợp giữa NHCSXH với các tổ chức đoàn thể có nơi, có lúc chưa được thường xuyên như việc trao đổi thông tin về kết quả thực hiện cũng như những tồn tại phát sinh trong quá trình thực hiện để cùng nhau xử lý kịp thời.

3.2. Hoạt động của các Tổ TK&VV

NHCSXH huyện đã phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương xây dựng và kiện toàn được 172 Tổ TK&VV đã tập hợp và tạo cầu nối cho các hộ nghèo và các đối tượng chính sách có nhu cầu vay vốn NHCSXH. Về cơ bản các tổ TK&VV hoạt động có nề nếp, tổ trưởng tổ TK&VV đã nắm bắt được các nội dung ủy nhiệm về thu lãi, thu tiền gửi, đôn đốc hộ vay trả nợ,... theo Hợp đồng ủy nhiệm đã ký kết với NHCSXH; chất lượng hoạt động tổ TK&VV ngày càng được nâng lên.

Chất lượng hoạt động tổ TK&VV như sau:

Stt	Đơn vị nhận ủy thác	Số Tổ TK&VV	Xếp loại			
			Tốt	Khá	Trung bình	Yếu kém
1	Hội Nông dân	73	62	8	3	
2	Hội Liên hiệp Phụ Nữ	81	76	3	2	
3	Hội Cựu Chiến binh	12	12			
4	Đoàn TNCS HCM	6	6			

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Chính quyền các cấp, các ngành, đoàn thể đã tích cực chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đến tận người dân. Nhờ đó nguồn vốn tín dụng chính sách đã đến với đối tượng được thụ hưởng; các đối tượng chính sách được vay vốn thuận lợi, an toàn, nhanh chóng; giảm thời gian giao dịch tín dụng, tiết kiệm chi phí đi lại của hộ vay. Giúp các hộ nghèo hình thành thói quen tiết kiệm và tăng cường trách nhiệm cộng đồng trong quá trình tổ chức sản xuất, kinh doanh, ổn định cuộc sống, thực hiện nghĩa vụ công dân, nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng. Nhờ có vốn kịp thời, các hộ nghèo có điều kiện để phát triển sản xuất, cải thiện cuộc sống, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

2. Hạn chế

- Trong quá trình triển khai một số xã, thị trấn chưa thực sự quan tâm đến việc lồng ghép phối hợp các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương với hoạt động tín dụng chính sách để nâng cao hiệu quả. Một số tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác chưa làm tốt công tác tuyên truyền chính sách tín dụng đến các tổ viên và hộ vay, chưa chủ động tuyên truyền trong việc huy động tiết kiệm, sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả, đặc biệt là trách nhiệm trả nợ tiền vay khi đến hạn. Do vậy, còn một số hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng chính sách khác chưa nhận thức đầy đủ về quyền được tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách, cũng như chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi tham gia vay vốn chính sách.

- Số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tiếp cận nguồn vốn chính sách còn hạn chế, cụ thể: Có 21 khách hàng là hộ nghèo vay vốn với số tiền được vay là 371 triệu đồng; 252 khách hàng là hộ Cận nghèo vay vốn với số tiền được vay 4 tỷ 622 triệu đồng; Có 53 khách hàng là hộ mới thoát nghèo được vay vốn với số tiền 1 tỷ 256 triệu đồng. Tổng nguồn vốn giải ngân cho 3 đối tượng này vay chỉ có 6 tỷ 249 triệu đồng, chiếm khoảng 1,3% tổng nguồn vốn chính sách xã hội trên địa bàn.

- Các hộ vay vốn chính sách phải thực hiện kèm chính sách gửi tiết kiệm. Tuy nhiên đã thực hiện việc gửi tiết kiệm cho các Tổ tiết kiệm và vay vốn với số dư tương đối nhiều nhưng chậm được trừ vào nợ gốc khi chưa đến kỳ trả nợ hoặc đến kỳ trả nợ nhưng số dư tiết kiệm không đủ thì cũng không được sử dụng để trả nợ gốc. Trong khi đó có hầu hết các chương trình cho vay có kỳ trả nợ gốc khoảng 12 tháng/kỳ. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc nhiều hộ vay vốn không tham gia gửi tiết kiệm trong thời qua.

- Ngân hàng chính sách xã hội hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Tuy nhiên lãi suất cho vay hiện tại được xem là cao so với hiệu quả sử dụng vốn của các đối tượng yếu thế cần vay vốn. Trong đó:

+ Hộ nghèo lãi suất 6,6%/năm, Hộ cận nghèo lãi suất 7,92%/năm, Hộ mới thoát nghèo lãi suất 8,25%/năm, Vay nước sạch với lãi suất 9%/năm. Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, lãi suất 6,6%/năm.

Riêng chương trình cho HSSV hiện nay áp dụng mức lãi suất 6.6%/năm là cao và phân kỳ trả nợ 6 tháng/lần ngay sau khi vay là chưa hợp lý. Vì vay đầu tư học tập thì nên áp dụng mức lãi suất cho vay bằng với chi phí quản lý nguồn vốn và chỉ nên phân kỳ trả nợ gốc sau khi HSSV tốt nghiệp ra trường đi làm.

- Một số đơn vị phát sinh tổng số hồ sơ vay và dư nợ lớn nhiều lần so với số đối tượng thuộc diện được vay vốn của NHCSXH. Trong khi đó các đối tượng thuộc diện vay vốn chính sách lại không phát sinh dư nợ.

- Việc lồng ghép các chương trình dự án về tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn giúp đỡ các hộ vay về thông tin thị trường, tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế và chưa đồng bộ với hiệu quả đồng vốn, hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác chủ yếu vẫn đang vay vốn đầu tư vào các ngành nghề truyền thống nên dẫn đến việc sử dụng vốn của một số hộ vay kém hiệu quả hoặc đầu tư vào chăn nuôi, giá cả không ổn định, vì vậy khả năng tái nghèo cao.

- Việc xử lý thu hồi nợ quá hạn của một số đối tượng vay vốn gặp rất nhiều khó khăn².

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện chưa phối hợp tốt với chính quyền các xã, thị trấn trong công tác đánh giá hiệu quả việc sử dụng vốn của các chương trình cấp vốn tín dụng cho các đối tượng vay vốn, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Qua giám sát, đoàn đã nhận xét, đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế, tồn tại đối với công tác quản lý vốn vay và sử dụng quỹ ủy thác của các đơn vị nhận ủy thác. Với nguồn vốn ủy thác qua các tổ chức hội đoàn thể đến thời điểm 31/5/2024 là 449 tỷ 147 triệu đồng và số phí ủy thác hàng năm các cấp hội nhận được tương đối lớn cần phải có sự quản lý chặt chẽ và sử dụng quỹ ủy thác một cách hợp lý, hiệu quả. Từ đó, Đoàn giám sát kiến nghị một số nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới như sau:

1. Đối với cấp tỉnh, Chính phủ

- Xem xét, điều chỉnh theo hướng tăng định mức cho vay, giảm lãi suất vay một số chương trình tín dụng, cụ thể: Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đối với chương trình cho học sinh, sinh viên vay vốn cần xem xét điều chỉnh áp dụng mức lãi suất cho vay bằng với chi phí quản lý nguồn vốn và chỉ nên phân kỳ trả nợ gốc sau khi học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường.

² . Có 24 hộ bỏ đi khỏi địa phương; một số hộ vay chạy lì không trả nợ....

2. Đối với UBND huyện

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả nguồn vốn của huyện ủy thác cho NHCSXH thực hiện cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác đảm bảo mục tiêu giải quyết việc làm, đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội; bổ sung nguồn vốn nếu cần thiết.

- Nâng cao công tác tuyên truyền chính sách tín dụng; lồng ghép các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư ... với tín dụng chính sách xã hội; bồi dưỡng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, kinh nghiệm làm ăn nhằm giúp hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác làm ăn có hiệu quả.

3. Đối với NHCSXH

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chế độ chính sách của Nhà nước để nhân dân hiểu và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả và thực hiện việc hoàn trả lãi, gốc đúng quy định.

- Tăng cường mở lớp tập huấn để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ Hội đoàn thể nhận ủy thác, Tổ TK&VV để không ngừng nâng cao hiệu quả của chính sách tín dụng.

- Có kế hoạch để bổ sung nguồn vốn vay các chương trình, giải ngân kịp thời vốn vay để phát triển sản xuất đúng thời vụ; đồng thời tăng cường kiểm soát việc sử dụng nguồn vốn vay sử dụng đúng mục đích để phát huy hiệu quả nguồn vốn.

- Kịp thời cung cấp danh sách trường hợp nợ quá hạn, chiếm dụng vốn (nếu có) đến các cấp hội ủy thác để nắm bắt và phối hợp xử lý kịp thời.

4. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội

- Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ về tín dụng chính sách và chỉ đạo tổ chức hội cấp dưới, mạng lưới tổ TK&VV thực hiện tốt các nhiệm vụ ủy thác, nâng cao chất lượng tín dụng. Thực hiện quản lý sử dụng phí ủy thác đảm bảo theo quy chế và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý vốn ủy thác tín dụng và sử dụng phí ủy thác đối với các Hội cơ sở.

- Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội, UBND các xã, thị trấn thường xuyên củng cố nâng cao chất lượng các Tổ Tiết kiệm và vay vốn hoạt động hiệu quả chưa cao, đồng thời tăng cường tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ Hội cơ sở, các Tổ TK&VV; có giải pháp, biện pháp thu hồi vốn, lãi đối với các hộ vay vốn có nợ quá hạn kéo dài.

- Chỉ đạo Hội đoàn thể cấp dưới thực hiện tốt các nội dung ủy thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, lưu trữ hồ sơ đúng và đủ theo quy định (Văn bản 3920/NHCS-TDNN ngày 10/5/2023 của NHCS VN), thực hiện tốt việc bình xét, xác nhận đối tượng, đảm bảo nguồn vốn đến đúng đối tượng thụ hưởng, phát huy hiệu quả nguồn vay và duy trì chế độ sinh hoạt, nâng cao chất lượng sinh hoạt.

- Thực hiện quản lý sử dụng phí ủy thác đảm bảo theo quy chế và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý vốn ủy thác tín dụng và sử dụng phí ủy thác đối với các Hội cơ sở.

5. Đối với các xã, thị trấn

- Đề nghị cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý vốn vay và sử dụng phí ủy thác theo quy chế đề ra. Đồng thời chỉ đạo trong bình xét cho vay đúng đối tượng được tiếp cận nguồn vốn vay để phát triển kinh tế, tăng thu nhập, góp phần thực hiện thành công Chương trình giảm nghèo bền vững.

- Chỉ đạo các hội tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền tới cán bộ, hội viên về chính sách ưu đãi của Chính phủ và những quy định, thủ tục cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội, những gương điển hình sử dụng vốn vay có hiệu quả để sản xuất kinh doanh phát triển kinh tế; tăng cường công tác tự kiểm tra và đánh giá việc quản lý vốn ủy thác tín dụng và sử dụng phí ủy thác.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát chuyên đề của HĐND huyện về tình hình quản lý và sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn huyện Bàu Bàng./.

Nơi nhận:

- TT.HU;
- TT.HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- CSDL HĐND các cấp;
- Lưu: VT

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Lưu Văn Long

Phụ lục 1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH NĂM 2021 - 2024

Đơn vị: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2021		Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024		
		Nguồn vốn	Thực hiện	Nguồn vốn	Thực hiện	Tăng, giảm so với năm 2021	Nguồn vốn	Thực hiện	Tăng, giảm so với năm 2022	Nguồn vốn đến tháng 05/2024	Thực hiện đến tháng 05/2024	Tăng, giảm so với năm 2023
A	DU' NỢ NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG	183,115	183,115	231,343	231,343	48,228	264,651	264,651	33,308	272,750	268,906	4,255
1	Cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP	4	4	4	4	0	0	0	-4	0	0	0
2	Cho vay hộ cận nghèo theo QĐ 15/2013/QĐ-TTg	30	30	30	30	0	30	30	0	30	30	0
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Cho vay học sinh, sinh viên theo QĐ 157/2007/QĐ-TTg	9,365	9,365	11,000	11,000	1,635	17,900	17,900	6,900	17,900	17,246	-654
5	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn Quỹ quốc gia về việc làm (NĐ số 61/2015/NĐ-CP; NĐ số 74/2019/NĐ-CP)	4,153	4,153	4,183	4,183	30	4,183	4,183	0	4,183	4,156	-27

6	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (ND số 61/2015/NĐ-CP; ND 74/2019/NĐ-CP) (không bao gồm cho vay theo Nghị quyết số 11/NQ-CP)	89,895	89,895	118,895	118,895	29,000	153,895	153,895	35,000	161,895	158,968	5,073
7	Cho vay Chương trình NS&VSMT NT theo QĐ 62/2004/QĐ-TTg	77,854	77,854	80,851	80,851	2,997	80,851	80,851	0	80,851	80,843	-8
8	Cho vay nhà ở xã hội theo ND 100/2015/NĐ-CP	1,814	1,814	5,034	5,034	3,220	7,662	7,662	2,628	7,661	7,559	-103
9	Cho vay hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn trả lương theo QĐ 23/2021/QĐ-TTg	0	0	11,199	11,199	11,199	0	0	-11,199	0	0	0
10	Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg	0	0	147	147	147	80	80	-67	80	54	-26
11	Cho vay Người chấp hành xong án phạt tù QĐ 22/QĐ-TTg						50	50	50	150	50	0
B	DỰ NỢ NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG (TỈNH VÀ HUYỆN)	147,132	147,132	160,508	160,508	13,376	169,434	169,434	8,926	180,390	180,387	10,953
I	NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH	120,411	120,411	133,388	133,388	12,977	141,805	141,805	8,417	149,757	149,780	7,975
1	Cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP	512	512	169	169	-343	362	362	193	371	371	9
2	Cho vay hộ cận nghèo theo QĐ 15/2013/QĐ-TTg	30,311	30,311	18,833	18,833	11,478	9,224	9,224	-9,609	4,592	4,592	-4,632

3	Cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg	7,395	7,395	7,395	4,719	4,719	-2,676	1,942	1,942	-2,777	1,256	1,256	-686
4	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị quyết 11/NQ-CP	78,989	78,989	106,548	106,548	106,548	27,559	126,229	126,229	19,681	137,626	137,649	11,420
5	Cho vay nhà ở xã hội theo ND 100/2015/NĐ-CP	3,169	3,169	3,119	3,119	3,119	-50	4,048	4,048	929	5,912	5,912	1,864
6	Cho vay nhà ở QĐ 167	35	35	0	0	0	-35	0	0	0	0	0	0
II	NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG CẤP HUYỆN (TỪ 2015-NAY)	26,721	26,721	27,120	27,120	27,120	399	27,629	27,629	509	30,633	30,607	2,978
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị quyết 11/NQ-CP	23,620	23,620	23,971	23,971	23,971	351	24,426	24,426	455	27,499	27,473	3,047
2	Cho vay các đối tượng chính sách khác	3,101	3,101	3,149	3,149	3,149	48	3,203	3,203	54	3,134	3,134	-69
	TỔNG CỘNG VỐN TW VÀ ĐP	330,247	330,247	391,851	391,851	391,851	61,604	434,085	434,085	42,234	453,140	449,293	15,208



Phụ lục 2. BÁO CÁO PHÂN PHỐI LÃI CHO VAY TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN

Đơn vị tính: Đồng

STT	Kỳ báo cáo	Số gốc vốn ủy thác	Lãi thực thu trong kỳ	Trích lập DPRR	Phí quản lý nguồn vốn ủy thác (Hoà hồng cho Tổ trưởng, Phí ủy thác cho 04 Hội đoàn thể từ TW xuống xã, Phí quản lý)	Số chi cho hoạt động, khen thưởng Ban đại diện HDQT cấp tỉnh, cấp huyện	Số chi công tác quản lý của Phòng tài chính (2%)	Số chi công tác quản lý của Phòng LDTBXH (2%)	Lãi nhập gốc	Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9=3-4-5-6-7-8	10
1	Năm 2021	26,729,551,713	1,827,192,302	74,231,611	1,281,723,512	127,903,462	36,543,847	36,543,847	270,246,023	
2	Năm 2022	27,206,516,512	1,989,944,133	2,999,106	1,373,061,452	139,296,086	39,798,886	39,798,886	394,989,717	
3	Năm 2023	27,633,638,855	2,153,248,702	3,527,394	1,485,741,607	150,727,408	43,064,975	43,064,975	427,122,343	
Tổng cộng Bầu Bàng			5,970,385,137	80,758,111	4,140,526,571	417,926,956	119,407,708	119,407,708	1,092,358,083	